

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-PT  
Ngày 03- 01 - 2025  
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 432/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 305/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 344/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lung L, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Số A, đường C, khóm G, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Đình C, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số C, đường N, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo giấy ủy quyền ngày 09/7/2024.

- Bị đơn: Bà Trần Minh N, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số A, đường B, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Trường S, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số C, đường T, khóm E, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Minh N là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 02/6/2009 bà Trần Minh N có hỏi mượn của ông Nguyễn Lung L số tiền 150.000.000đ, khi cho mượn bà N có làm biên nhận. Từ khi cho mượn tiền đến nay thì ông L đã nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền, nhưng bà N không trả. Do bà N không trả nên vào năm 2014 ông L đã làm đơn yêu cầu đến Công an tỉnh C nơi bà N đang công tác, lúc này bà N có hứa sẽ mua bảo hiểm cho ông L nên ông L đã rút đơn yêu cầu, nhưng từ khi rút đơn cho đến nay thì bà N cũng không giữ lời hứa.

Nay ông Nguyễn Lung L yêu cầu bà Trần Minh N trả số tiền 150.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa bà Trần Minh N trình bày:*

Bà xác định vào ngày 02/6/2008 bà có vay tiền của ông Nguyễn Lung L (em rể) với số tiền 150.000.000đ, lãi suất 15%/tháng. Đến ngày 25/7/2008 thì bà đã trả đủ 150.000.000đ tiền vốn và 15.000.000đ tiền lãi nhưng thời điểm này ông L không mang theo biên nhận và nói rằng để vài ngày trả lại biên nhận, sau đó bà có nhắc nhở vài lần nhưng ông L cho rằng đã xé bỏ, việc trả lãi cũng không ghi giấy tờ. Bà xác định bà không còn nợ ông L nên nay ông L khởi kiện yêu cầu bà hoàn trả số tiền 150.000.000đ bà không đồng ý.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 305/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Minh N hoàn trả cho ông Nguyễn Lung L tổng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự

Ngày 23/9/2024, bà N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt; Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 305/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo bà Trần Minh N cho là số tiền nợ ông L bà đã thanh toán xong.

[2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án. Xét thấy, tại biên nhận của bà N ghi ngày 02/6/2009 đến nay thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay đã hết. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, v.v. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa đại diện ông L yêu cầu bà N trả lại số tiền 150.000.000 đồng đã mượn. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần được giải quyết là đòi tài sản.

[3] Xét thấy: Tại biên nhận ngày 02/6/2009 thể hiện bà Trần Minh N có mượn của ông Nguyễn Lung L số tiền 150.000.000 đồng (không lãi), được các bên thừa nhận khớp nhau về số tiền vốn, nhưng khác nhau về thời gian. Bà N1 cho rằng biên nhận ngày 02/6/2009 có sự chỉnh sửa về năm cho mượn nhưng về số tiền và chữ viết, chữ ký là do bà viết và ký tên. Vấn đề các đương sự tranh chấp là số tiền 150.000.000 đồng đã thanh toán hay chưa? Ông L cho rằng bà N1 còn nợ nên ông còn giữ biên nhận, trong khi đó bà N1 xác định đã thanh toán xong nhưng vì tin tưởng ông L cho rằng biên nhận đã xé bỏ nên bà không lấy lại biên nhận, do bà và ông L có mối quan hệ họ hàng (chị vợ em rể). Lời trình bày bà N1 thiếu tính thuyết phục nên không được chấp nhận. Bởi lẽ: Cho dù giữa các đương sự có mối quan hệ họ hàng, thì khi giao tiền các bên có làm biên nhận, vì vậy khi thanh toán tiền đương nhiên biên nhận phải được trả lại, thực tế biên nhận (bản gốc) ông L vẫn còn đang quản lý, nếu thực tế bà N1 đã thanh toán xong, thì tại thời điểm thanh toán cũng phải buộc ông L viết lại biên nhận nhận lại số tiền, trong khi ông L không thừa nhận việc này. Hơn nữa vào năm 2014 ông L có nộp đơn yêu cầu giải quyết số tiền 150.000.000 đồng tại nơi bà N1 công tác, sau đó các bên thống nhất rút đơn để giải quyết nội bộ gia đình có sự đồng ý của bà N1, cho nên việc bà N1 cho rằng đã thanh toán tiền cho ông L vào năm 2008 là không cơ sở. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng là phù hợp.

Bà N1 không có chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi cho ông L, nên không có cơ sở xem xét đối trừ.

[4] Đối với bà Trần Thị Hồng T là vợ ông L xác định số tiền 150.000.000 đồng là tiền riêng của ông L, bà cho là có biết việc ông L cho bà N1 mượn tiền còn việc trả hay chưa thì không biết, bà xin không tham gia tố tụng. Án sơ thẩm không đưa bà T vào tham gia tố tụng trong vụ án là có cơ sở.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Do bị đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định, nên không phải chịu án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên không phải nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123 khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Minh N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 305/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Trần Minh N hoàn trả cho ông Nguyễn Lung L tổng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Minh N được miễn nộp án phí theo quy định. Ông Nguyễn Lung L không phải nộp án phí. Vào ngày 19/6/2024, ông L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.750.000 đồng tại lai thu số 0008870 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Minh N được miễn nộp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Hùng Quang**



